BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THỦY CHUNG - THUY CHUNG AUDITING CO., LTD
THUY CHUNG
Head office: 23 Quach Van Tuan, Ward 12, Tan Binh Dist, HCMC - Tel: (84.8) 38112766 - Fax: (84.8) 38112612 - Email: info@thuychung.vn - Website: www.thuychung.vn

Số 848

Tp. Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

Kính gửi: **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính niên khóa từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 từ trang 02 đến trang 08 của Quý Trung Tâm bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động, và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Trung Tâm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến*:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán và kiểm toán Việt Nam và quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Quá trình kiểm toán được thực hiện theo các phương pháp qui định, xem xét các bằng chứng liên quan đến những số liệu và giải trình trong báo cáo tài chính nhằm kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi cho rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên*:**

Theo ý kiến của chúng tôi,xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trung Tâm vào ngày 31/12/2009. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết qủa hoạt động phản ánh trung thực về các hoạt động của Trung Tâm trong năm kiểm toán từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009. Báo cáo được soạn thảo dựa trên những chuẩn mực Kế toán quốc tế được chấp nhận và có nội dung phù hợp với đặc điểm riêng biệt của Trung Tâm tại tỉnh Bình Thuận.

Kính chào trân trọng

GIÁM ĐỐC - CPA	KIỂM TOÁN VIÊN
PHÙNG THỊ THANH THỦY	ĐẶNG ĐỨC CHUYÊN
Số CC KTV: D0126/KTV	Số CC KTV: 0345/KTV

TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Mã	KHOẢN MỤC	31/12/09	31/12/08
	TÀI SẢN		
	Tài sản cố định (I)		
010	Tài sản cố định vô hình - Giá trị cửa hàng	-	-
014	Tài sản cố định vô hình - Khác	-	-
028	Tài sản cố định hữu hình	645.016.034	550.748.134
028a	Khấu hao lũy kế	(273.069.517)	-
040	Tài sản tài chính (cho vay)	2.194.415.000	2.765.155.100
044	**Tổng tài sản (I)**	**2.566.361.517**	**3.315.903.234**
	Tài sản lưu động (II)		
050	Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho	-	-
060	Hàng hoá tồn kho	-	-
064	Tiền ứng trước theo đơn đặt hàng	-	-
068	Trái quyền khách hàng và các TK liên quan khác	-	-
072	Các trái quyền khác	1.215.663.140	188.681.000
084	Tiền gửi ngân hàng	4.981.056.750	3.592.271.541
088	Tiền tại quỹ	32.820.626	36.343.247
092	Chi phí trả trước	-	-
096	**Tổng tài sản (II)**	**6.229.540.516**	**3.817.295.788**
110	**TỔNG CỘNG (I+II)**	**8.795.902.033**	**7.133.199.022**
	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN		
	Vốn hoạt động (I)		
120	Vốn xã hội hay cá nhân	2.377.946.513	2.228.829.713
124	Chênh lệch về đánh giá lại	-	-
126	Dự trữ pháp định	-	-
130	Dự phòng theo quy định	-	-
132	Dự trữ khác	-	-
134	Chuyển sang niên độ mới	2.273.576.528	1.274.590.844
136	Kết quả niên độ	1.248.215.084	998.985.684
140	Dự phòng theo quy định	-	-
142	**Tổng vốn hoạt động (I)**	**5.899.738.125**	**4.502.406.241**

TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Mã	KHOẢN MỤC	31/12/09	31/12/08
	NỢ (II)		
154	Dự phòng rủi ro và chi phí	-	-
156	Tiền vay và các khoản nợ liên quan	66.205.000	89.165.000
164	Tạm ứng và trả trước theo đơn đặt hàng	-	-
166	Phải trả nhà cung cấp và các khoản liên quan	-	-
172	Các khoản nợ khác	2.829.958.908	2.541.627.781
174	Lợi tức nhận trước	-	-
176	**Tổng nợ (II)**	**2.896.163.908**	**2.630.792.781**
180	**TỔNG CỘNG (I+II)**	**8.795.902.033**	**7.133.199.022**

Phan Thiết, ngày 31 tháng 12 năm 2009

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Mã		Diễn giải	Năm 2009	Năm 2008
		THU NHẬP		
70		**Bán sản phẩm**	**2.078.054.684**	**1.196.107.164**
	701	Bán sản phẩm	2.078.054.684	1.191.577.164
	703	Bán tài sản	-	4.530.000
71		**Cung cấp dịch vụ**	**860.000**	**1.300.000**
72		**Đánh giá lại tài sản**	**-**	**-**
74		**Trợ cấp hoạt động**	**6.309.672.083**	**5.829.220.525**
	741	Trợ cấp từ các nhà tài trợ	6.254.675.783	5.804.377.525
	778	Trợ cấp khác	54.996.300	24.843.000
76		**Lợi nhuận từ hoạt động tài chính**	**563.914.591**	**44.962.015**
	766	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	520.367.100	6.138.230
	768	Lãi ngân hàng	38.122.791	38.823.785
	766a	Lãi tín dụng	5.424.700	-
		Tổng thu nhập	**8.952.501.358**	**7.071.589.704**
		CHI PHÍ		
60		**Mua vật liệu**	**1.780.790.742**	**923.152.930**
	601	Mua nguyên liệu	1.665.206.251	813.305.428
	601a	Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ (*)	86.870.278	84.063.900
	606	Mua năng lượng	28.714.213	25.783.602
61		**Chi phí dịch vụ**	**2.688.154.316**	**2.901.083.578**
	613	Chi phí cư trú	64.607.200	65.804.500
	615	Chi phí sửa chữa,nhiên liệu	266.947.000	251.129.945
	617	Chi phí đào tạo & dụng cụ , VPP	2.226.150.036	2.487.838.150
	618	Chi phí khác	130.450.080	96.310.983
62		**Chi phí di chuyển và dịch vụ khác**	**172.148.841**	**145.429.556**
64		**Chi phí nhân viên**	**2.235.028.291**	**1.549.241.530**
65		**Chi phí quản lý khác**	**289.695.100**	**-**
66a		**Chi phí tài chính**	**950.967**	**1.283.544**
69		**Chi phí chênh lệch tỷ giá**	**-**	**338.808.909**
66b		**Chi phí thanh lý tài sản**	**31.813.500**	**-**
68		**Chi phí khấu hao**	**322.508.017**	**-**
67		**Chi phí khác**	**183.196.500**	**213.603.973**
		Tổng chi phí	**7.704.286.274**	**6.072.604.020**
		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	**1.248.215.084**	**998.985.684**
		Thuế thu nhập	-	-
		LỜI / LỖ	**1.248.215.084**	**998.985.684**

(*) Số cộng của TK 602, 605

Phan Thiết, ngày 31 tháng 12 năm 2009

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ

Trần văn Tốt

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH BÌNH THUẬN
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
THIỆN CHÍ
Km06 QL01 Hàm Mỹ -Hàm Thuận Nam ĐT/Fax:: (062 3899224) Email:thichico@vnn.vn www.thienchi.org

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2009

1. Đặc điểm của đơn vị

Hình thức: trung tâm hỗ trợ và phát triển cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt TT Thiện Chí) là một Tổ chức xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165 QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Lĩnh vực hoạt động: tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn.

Phạm vi hoạt động: tỉnh Bình Thuận.

2. Hình thức tổ chức sổ sách:
dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST - FRANCE dùng để theo dõi quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 165 QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

3. Các chỉ tiêu tài chính :
Các chỉ tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại tỉnh Bình Thuận.

3.1. Tài sản hoạt động
Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 1.000.000 đồng. Một số tài sản được thanh lý do không còn giá trị sử dụng cũng như trước đây đã không thực hiện việc khấu hao tài sản:

ĐVT: VND

	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Tài sản và dụng cụ làm việc	**550.748.134**	**193.144.900**	**98.877.000**	**645.016.034**
Tại Văn phòng Thiện Chí	10.992.000	19.807.000		30.799.000
Tại Đức Linh	213.266.000	32.924.000	43.500.000	202.690.000
TT vi tính tại ĐL	94.585.000			94.585.000
Tại Tánh Linh	108.973.134	54.536.900		163.510.034
TT vi tính tại TL	122.932.000	85.877.000	55.377.000	153.432.000

3.2. Khấu hao tài sản
Trước đây do không áp dụng khấu hao trên các tài sản và dụng cụ làm việc nên giá trị của các tài sản vẫn còn nguyên giá nên nguồn vốn vẫn giữ nguyên. Trên thực tế nguồn vốn này đã giảm rất nhiều do các tài sản đã bị hao mòn. Do đó, để đánh giá lại tài sản cho được phù hợp với giá trị thực tế nên bắt đầu năm 2009 TT Thiện Chí với sự thống nhất của ban quản lý, quyết định áp dụng khấu hao 50% trên giá trị tài sản. Tổng số tiền khấu hao là: 273.069.517đ.

3.3. Tình hình nhân viên

	Năm 2009	*Năm 2008*
Tổng số nhân viên (người) :	38	37
Tổng thu nhập của nhân viên (đ) :	1.689.048.500	1.189.184.000
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	3.704.053	2.678.342

Chính sách tăng lương hàng năm vẫn không thay đổi. Tuy nhiên bình quân thu nhập năm 2009 tăng 38% so với năm 2008 một phần do trượt giá trong năm.

TT Thiện Chí có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% quỹ bảo hiểm xã hội của mình có), trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng đến ngày 31/12/2009 là: 178.750.000 đồng.

Năm 2009, TT Thiện Chí đã tham gia chế độ BHXH cho toàn thể nhân viên.

3.4. Hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay vẫn được thực hiện thông qua các nhóm. Tiền cho vay hỗ trợ kinh tế được nâng lên tới mức tối đa là 4.000.000đ và không tính lãi. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân, dự án cũng tiếp tục hỗ trợ cho các cá nhân được vay tới mức tối đa là 15.000.000đ với lãi suất cho vay là 1%/tháng. Năm 2009, dự án tập trung vào chương trình hộ khó khăn cho vay vốn không lãi suất để chăn nuôi, trồng trọt hay buôn bán nhỏ. Ngoài ra từ tháng 10-2009 dự án có áp dụng vay vốn hộ khó khăn có lãi suất 1% đối với những hộ vay từ vòng 7 trở lên và có hoàn cảnh tương đối khá.

Tình hình nợ tín dụng như sau:

3.4.1 Cấp tín dụng

	Tổng cộng		**Chương trình kinh tế**		**Chương trình xã hội**	
	Lượt vay	Vnd	Lượt vay	Vnd	Lượt vay	Vnd
Tại 31/12/2009		**1.983.400.000**		**1.983.400.000**		
a) Vay đặc biệt :		**25.000.000**		**25.000.000**		
- Đức Linh		20.000.000		20.000.000		
- Tánh Linh		5.000.000		5.000.000		
b) Vay hộ khó khăn :		**1.958.400.000**		**1.958.400.000**		
- Đức Linh		1.221.750.000		1.221.750.000		
- Tánh Linh		736.650.000		736.650.000		

3.4.2 Nợ vay tín dụng

	Tổng cộng	**Chương trình kinh tế**	**Chương trình xã hội**
	vnd	Vnd	vnd
Tại ngày 31/12/2009	**11.015.000**	**11.015.000**	
- Tánh Linh (Đồng Kho)	11.015.000	11.015.000	

3.4.3 Chuyển giao vốn tín dụng tại Đức Linh cho các xã quản lý

	Tổng cộng	**Chương trình kinh tế**	**Chương trình xã hội**
	vnd	Vnd	vnd
Tại ngày 31/12/2009	**200.000.000**	**200.000.000**	
- Trà Tân	100.000.000	100.000.000	
- Sùng Nhơn	100.000.000	100.000.000	

3.4.4 Thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2009: 5.424.700đ.

3.5. Chi phí cho hoạt động

Trong năm 2009, các khoản chi phí cho hoạt động của dự án tăng hơn so với năm ngoái. Ngoài những chương trình mà tổ chức đã thực hiện qua các năm thì trong năm 2009, TT Thiện Chí còn triển khai thêm hoạt động mới và tăng mức đầu tư cho các chương trình đã có trong đó có chương trình khám mắt cho các em học sinh tiểu học.

Chi tiết các khoản chi trong năm 2009 như sau:

Nội dung chi phí		**Số tiền (VND)**
1. Chi phí nguyên liệu:		**1.665.206.251**
1.1 Chi phí hàng thủ công	1.665.206.251	
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ:		**86.870.278**
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	23.310.688	
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	59.576.590	
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	3.983.000	
3. Chi phí năng lượng:		**28.714.213**
3.1 Chi phí gas, điện, nước	28.714.213	
4. Chi phí cư trú:		**64.607.200**
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	64.607.200	
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:		**266.947.000**
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	266.947.000	
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ, văn phòng phẩm		**3.159.752.653**
6.1 Chi phí ngày 31/05 (Ngày không hút thuốc lá)	62.748.000	
6.2 Chi phí tập huấn nhóm viên tiết kiệm tín dụng	14.827.250	
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	26.560.500	
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	137.847.300	
6.5 Chi phí vật liệu giáo dục	176.716.188	
6.6 Chi phí tập huấn y tế học đường	130.194.498	
6.7 Chi mua thiết bị cho trường học	25.467.500	
6.8 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học	960.000	
6.9 Chi cấp học bổng	437.933.000	
6.10 Chi phí cho đối tác	60.944.000	
6.11 Chi phí đào tạo nhân viên	88.973.100	
6.12 Chi phí diễn kịch	259.135.000	
6.13 Chi phí tập huấn đội kịch	32.703.000	
6.14 Chi phí mua thuốc tẩm mùng chống bệnh sốt rét	12.255.000	
6.15 Chi phí hố xí sạch cộng đồng	201.300.000	
6.16 Chi phí xử lý rác	418.996.000	
6.17 Chi phí kiểm toán	10.149.000	
6.18 Chi phí thẩm định mở rộng dự án	8.851.500	
6.19 Chi phí tập huấn phụ nữ	45.492.200	
6.20 Chi phí cho hộ khó khăn	106.389.500	
6.21 Chi phí trồng cây	182.636.000	
6.22 Chi phí thu gom bao nylon	560.500	
6.23 Tập huấn hàng thủ công	12.313.000	
6.24 Chi phí cho giáo viên anh văn	58.284.000	
6.25 Tập huấn cho trung tâm vi tính	3.500.000	
6.26 Chi phí lỗ bán tài sản	31.813.500	
6.27 Chi phí khấu hao tài sản	322.508.017	
6.28 Chi phi rủi ro tín dụng	289.695.100	
7. Chi phí khác:		**24.060.580**
7.1 Chi phí linh tinh	24.060.580	
8. Chi phí di chuyển và dịch vụ khác:		**172.148.841**
8.1 Chi phí vận chuyển	36.337.440	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	57.993.000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	77.818.401	

Nội dung chi phí		Số tiền (VND)
9. Chi phí nhân viên:		**2.235.028.291**
9.1 Chi phí lương nhân viên	1.689.048.500	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	345.426.000	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	9.013.000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	191.540.791	
10. Chi phí tài chính:		**950.967**
10.1 Chi phí ngân hàng 94	201.801	
10.2 Chi phí ngân hàng 95	275.581	
10.3 Chi phí ngân hàng 96	138.585	
10.4 Chi phí lãi vay	335.000	
Tổng cộng		**7.704.286.274**

4. Nguồn tài trợ:

Các nguồn tài trợ nhận được trong năm 2009:

Tên tổ chức & cá nhân tài trợ	Tiền VND
1 - Tài trợ cá nhân	21.003.500
2 - Mekong Plus	1.460.000.000
3 - Lucile de Brabandere	507.320.000
4 - Nhận từ quỹ Ford	1.066.352.283
5 - Vietnam Plus	3.200.000.000
Tổng cộng	**6.254.675.783**

Phan Thiết, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIỆN CHÍ

Trần Văn Tốt